

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**Câu 1:** Cho bảng số liệu:

Sự thay đổi của biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lí trên Trái Đất (°C)

Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	70°	80°
Bán cầu Bắc	1,8	7,4	13,3	17,7	23,8	29,0	32,2	31,0
Bán cầu Nam	1,8	5,9	7,0	4,9	4,3	11,8	19,5	28,7

Nhận xét nào sau đây **đúng** về thay đổi biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lí?

- A. Càng lên vĩ độ cao, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.
- B. Biên độ nhiệt năm ở các vĩ độ bán cầu Bắc nhỏ hơn bán cầu Nam.
- C. Biên độ nhiệt năm ở vĩ độ thấp lớn hơn ở vĩ độ cao.
- D. Càng về ở xích đạo, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.

Câu 2: Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến lượng mưa là

- A. khí áp, frông, gió, địa hình, thổ nhưỡng.
- B. khí áp, frông, gió, dòng biển, địa hình.
- C. khí áp, frông, gió, địa hình, sông ngòi.
- D. khí áp, frông, gió, dòng biển, sinh vật.

Câu 3: Ý nghĩa của hồ đầm đối với sông là

- A. nhiều thung lũng.
- B. tạo địa hình dốc.
- C. điều tiết dòng chảy.
- D. giảm số phụ lưu sông.

Câu 4: Biện pháp chủ yếu nhất để làm giảm tác hại của lũ trên các sông miền núi là?

- A. Đắp đập ngăn chặn dòng chảy.
- B. Thường xuyên nạo vét lòng sông.
- C. Xây dựng nhiều nhà máy thủy điện.
- D. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn.

Câu 5: Hiện tượng biến tiến, biến thoái là kết quả của vận động nào sau đây?

- A. Nằm ngang.
- B. Thẳng đứng.
- C. Nâng lên.
- D. Hạ xuống.

Câu 6: Trong việc hình thành đất, thực vật **không** có vai trò nào sau đây?

- A. Hạn chế sự xói mòn, rửa trôi.
- B. Góp phần làm phá huỷ đá.
- C. Phân giải, tổng hợp chất mùn.
- D. Cung cấp vật chất hữu cơ.

Câu 7: Theo quy ước, nếu đi từ đông sang tây qua kinh tuyến 180° thì

- A. tăng thêm một ngày lịch.
- B. lùi lại hai ngày lịch.
- C. lùi lại một ngày lịch.
- D. tăng thêm hai ngày lịch.

Câu 8: Tính chất của gió Tây ôn đới là

- A. nóng ẩm.
- B. ẩm.
- C. lạnh khô.
- D. khô.

Câu 9: Giới hạn dưới của sinh quyển là

- A. độ sâu 11km đáy đại dương.
- B. đáy đại dương và đáy của lớp vỏ phong hoá.
- C. giới hạn dưới của vỏ lục địa.
- D. giới hạn dưới của lớp vỏ Trái đất.

Câu 10: Khi ba thiên thể Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất ở vị trí như thế nào thì dao động của thủy triều nhỏ nhất?

- A. Đối xứng.
- B. Vuông góc.
- C. Vòng cung.
- D. Thẳng hàng.

Câu 11: Ở đồng bằng, tầng đất thường

A. bạc màu, ít chất dinh dưỡng.

C. dày, giàu chất dinh dưỡng.

B. dày do bồi tụ.

D. mỏng, dễ xói mòn.

Câu 12: Ngoại lực có nguồn gốc từ

A. bên trong Trái Đất.

C. lực hút của Trái Đất.

B. nhân của Trái Đất.

D. bức xạ của Mặt Trời.

Câu 13: Về mùa đông, ở các địa điểm trên bán cầu Bắc luôn có

A. toàn ngày hoặc đêm.

C. ngày dài hơn đêm.

B. đêm dài hơn ngày.

D. ngày đêm bằng nhau.

Câu 14: Nguyên nhân sinh ra các mùa trên Trái Đất là do

A. Trái Đất tự chuyển động tự quay quanh trục.

B. Trái Đất hình cầu, tự quay quanh trục và nghiêng theo phương cố định.

C. Trái Đất tự chuyển động quay quanh Mặt Trời.

D. trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương khi tự quay quanh Mặt Trời.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây **không** phải ảnh hưởng của khí hậu tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

A. Sinh vật phát triển tốt trong môi trường tốt về nhiệt, ẩm.

B. Mỗi loài cây thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định.

C. Thực vật sinh trưởng nhờ đặc tính lí, hoá, độ phì của đất.

D. Cây xanh nhờ ánh sáng để thực hiện quá trình quang hợp.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1(3,0 điểm): Cho bảng số liệu:

Lưu lượng nước trung bình của sông Đà Rằng (qua trạm Củng Sơn)

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	129	77	47	45	85	170	155	250	368	682	935	332

a. Tính lưu lượng nước trung bình tháng của sông Đà Rằng.

b. Vẽ biểu đồ thể hiện lưu lượng nước trung bình các tháng của sông Đà Rằng.

c. Nhận xét mùa lũ, mùa cạn(mùa lũ vào tháng nào, mùa cạn vào tháng nào), và giải thích nguyên nhân.

Câu 2(2,0 điểm): Phân tích nhân tố địa hình, sinh vật ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật trên trái Đất.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5
A	B	C	D	B
6	7	8	9	10
C	A	B	B	B
11	12	13	14	15
C	D	B	D	C

II. PHẦN TỰ LUẬN

CÂU	ĐÁP ÁN
	a. Tính lưu lượng nước trung bình tháng của sông Đà Rằng. - Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Đà Rằng: 273m ³ /s
	b. - Vẽ biểu đồ đường (thiếu đơn vị, tháng – 0,25 đ)

1	c. - Nhận xét : - Mùa lũ từ tháng 9 đến tháng 12 - Mùa cạn từ tháng 1 đến tháng 8 - Nguyên nhân: do lưu vực của sông Đà Rằng nằm trong khu vực có mưa vào thu - đông.
2	Nhân tố địa hình, sinh vật ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật trên trái Đất. + Địa hình: - Độ cao: làm thay đổi nhiệt độ và lượng mưa $\Rightarrow$ các vành đai sinh vật khác nhau. - Độ dốc và hướng sườn: lượng nhiệt, ẩm và sự chiếu sáng khác nhau nên sinh vật phát triển khác nhau. + Sinh vật: - Thực vật, động vật và vi sinh vật có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong chuỗi thức ăn. - Nguồn thức ăn phong phú sinh vật đa dạng. - Nguồn thức ăn ít thì SV đơn điệu.

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**Câu 1:** Giới hạn phía trên của sinh quyển là

- A. giáp đỉnh tầng bình lưu.
 C. giáp tầng ô-dôn.

- B. giáp đỉnh tầng giữa.
 D. giáp đỉnh tầng đối lưu.

Câu 2: Gió Mậu dịch có tính chất

- A. lạnh, ít mưa.
 C. nóng, mưa nhiều.

- B. ẩm, mưa nhiều.
 D. khô, ít mưa.

Câu 3: Khi ba thiên thể Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất ở vị trí như thế nào thì dao động của thủy triều lớn nhất?

- A. Thẳng hàng. B. Đối xứng. C. Vòng cung. D. Vuông góc.

Câu 4: Nguyên nhân sinh ra các mùa trên Trái Đất là do

- A. trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương khi tự quay quanh Mặt Trời.
 B. Trái Đất hình cầu, tự quay quanh trục và nghiêng theo phương cố định.
 C. Trái Đất tự chuyển động quay quanh Mặt Trời.
 D. Trái Đất tự chuyển động tự quay quanh trục.

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Sự thay đổi của biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lý trên Trái Đất (°C)

Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	70°	80°
Bán cầu Bắc	1,8	7,4	13,3	17,7	23,8	29,0	32,2	31,0
Bán cầu Nam	1,8	5,9	7,0	4,9	4,3	11,8	19,5	28,7

Nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lý?

- A. Càng về ở xích đạo, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.
 B. Càng lên vĩ độ cao, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.

- C. Biên độ nhiệt năm ở vĩ độ thấp lớn hơn ở vĩ độ cao.
 D. Biên độ nhiệt năm ở các vĩ độ bán cầu Bắc nhỏ hơn bán cầu Nam.
- Câu 6:** Theo quy ước, nếu đi từ tây sang đông qua kinh tuyến 180° thì
 A. tăng thêm một ngày lịch. B. tăng thêm hai ngày lịch.
 C. lùi lại hai ngày lịch. D. lùi lại một ngày lịch.
- Câu 7:** Nội lực là lực phát sinh từ
 A. nhân của Trái Đất. B. bên trong Trái Đất.
 C. bức xạ của Mặt Trời. D. bên ngoài Trái Đất.
- Câu 8:** Về mùa hạ, ở các địa điểm trên bán cầu Bắc luôn có
 A. ngày dài hơn đêm. B. toàn ngày hoặc đêm.
 C. ngày đêm bằng nhau. D. đêm dài hơn ngày,
- Câu 9:** Vận động nào sau đây tạo ra các dạng địa hào, địa lũy?
 A. Theo phương nằm ngang ở vùng đá mềm.
 B. Theo phương nằm ngang ở vùng đá cứng.
 C. Theo phương thẳng đứng ở vùng có đá cứng
 D. Theo phương thẳng đứng ở vùng đá dẻo.
- Câu 10:** Đất được hình thành do tác động đồng thời của các nhân tố
 A. khí hậu, thạch quyển, sinh vật, địa hình, con người.
 B. đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình, thời gian, con người.
 C. khí hậu, sinh vật, địa hình, con người, khoáng sản.
 D. đá mẹ, sông ngòi, sinh vật, địa hình, con người.
- Câu 11:** Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để sử dụng lâu dài nguồn nước ngọt trên Trái Đất?
 A. Phân phối lại nguồn nước ngọt.
 B. Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.
 C. Nâng cao sự nhận thức.
 D. Giữ sạch nguồn nước.
- Câu 12:** Phát biểu nào sau đây đúng với ảnh hưởng của đất tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?
 A. Thực vật sinh trưởng nhờ đặc tính lí, hoá, độ phì của đất.
 B. Cây xanh nhờ ánh sáng để thực hiện quá trình quang hợp.
 C. Sinh vật phát triển tốt trong môi trường tốt về nhiệt, ẩm.
 D. Mỗi loài cây thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định.
- Câu 13:** Ở nơi địa hình dốc, tầng đất thường
 A. dày do bồi tụ. B. dày, giàu chất dinh dưỡng.
 C. bạc màu, ít chất dinh dưỡng. D. mỏng, dễ xói mòn.
- Câu 14:** Nội lực tác động đến địa hình bề mặt Trái Đất thông qua
 A. quá trình vận chuyển. B. vận động kiến tạo.
 C. quá trình xâm thực. D. quá trình phong hóa.
- Câu 15:** Trong việc hình thành đất, khí hậu **không** có vai trò nào sau đây?
 A. Làm cho đá gốc bị phân huỷ về mặt vật lí.
 B. Ảnh hưởng đến hoà tan, rửa trôi vật chất.
 C. Tạo môi trường cho hoạt động vi sinh vật.
 D. Cung cấp vật chất hữu cơ và khí cho đất.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1(3,0 điểm): Cho bảng số liệu:

Lưu lượng nước trung bình của sông Đà Rằng (qua trạm Củng Sơn)

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	129	77	47	45	85	170	155	250	368	682	935	332

- a. Tính lưu lượng nước trung bình tháng của sông Đà Rằng.
 b. Vẽ biểu đồ thể hiện lưu lượng nước trung bình các tháng của sông Đà Rằng.
 c. Nhận xét mùa lũ, mùa cạn(mùa lũ vào tháng nào, mùa cạn vào tháng nào), và giải thích nguyên nhân.

Câu 2(2,0 điểm): Phân tích nhân tố khí hậu, nước ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật trên trái Đất.

----- **HẾT** -----

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5
C	D	A	A	B
6	7	8	9	10
D	B	A	B	B
11	12	13	14	15
B	A	D	B	D

II. PHẦN TỰ LUẬN

CÂU	ĐÁP ÁN	THANG ĐIỂM
1	a. Tính lưu lượng nước trung bình tháng của sông Đà Rằng. - Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Đà Rằng: $273\text{m}^3/\text{s}$	0,5 đ
	b. - Vẽ biểu đồ đường (thiếu đơn vị, tháng – 0,25 đ)	1,5 đ
	c. - Nhận xét : - Mùa lũ từ tháng 9 đến tháng 12 - mùa cạn từ tháng 1 đến tháng 8 - Nguyên nhân: do lưu vực của sông Đà Rằng nằm trong khu vực có mưa vào thu - đông.	0,5đ
		0,5đ
2	Nhân tố Khí hậu, nước ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật trên trái Đất. + Khí hậu: - Ánh sáng: thực hiện quá trình quang hợp, khả năng định hướng và sinh sản của ĐV. - Nhiệt độ: ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, phát triển, qui định vùng phân bố. + Nước: - Nguyên liệu cho cây quang hợp, trao đổi chất ở động vật. - Nguồn nước dồi dào SV phát triển. - Hoang mạc khô hạn SV ít.	2 điểm 0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,25đ 0,25đ

A. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Câu 1: Quy luật địa ô là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo

- A. các mùa. B. độ cao. C. vĩ độ. D. kinh độ.

Câu 2: Nhân tố đóng vai trò trực tiếp trong việc hình thành đất là

- A. khí hậu. B. con người. C. đá mẹ. D. thời gian.

Câu 3: Lực phát sinh từ bên trong Trái Đất được gọi là

- A. nội lực. B. lực Côriôlit. C. ngoại lực. D. lực hấp dẫn.

Câu 4: Sự hình thành dãy núi Con Voi ở Việt Nam là kết quả của hiện tượng nào sau đây?

- A. Đứt gãy. B. Nâng lên. C. Hạ xuống. D. Uốn nếp.

Câu 5: Thành phần chiếm tỉ lệ lớn nhất trong không khí là

- A. ôxi. B. nitơ. C. hơi nước. D. cacbonic.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dao động của thủy triều?

- A. Là dao động của các khối nước biển và đại dương.
B. Bất kì biển và đại dương nào trên Trái Đất đều có.
C. Dao động thủy triều nhỏ nhất vào ngày trăng tròn.
D. Dao động thủy triều lớn nhất vào ngày không trăng.

Câu 7: Ở miền khí hậu nóng, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

- A. thực vật. B. nước ngầm. C. chế độ mưa. D. địa hình.

Câu 8: Loại đất thích hợp để trồng cây lúa nước là

- A. đất feralit. B. đất đỏ badan. C. đất phù sa. D. đất đen, xám.

Câu 9: Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên được coi là

- A. gia tăng dân số có kế hoạch. B. động lực phát triển dân số.
C. gia tăng cơ học trên thế giới. D. số dân ở cùng thời điểm đó.

Câu 10: Nhân tố nào sau đây **không** có tác động nhiều đến sự phân bố nhiệt độ trên bề mặt Trái Đất?

- A. Tính chất mặt đệm. B. Độ che phủ thực vật. C. Độ lớn góc nhập xạ. D. Thời gian chiếu sáng.

Câu 11: Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

- A. cực. B. xích đạo. C. chí tuyến. D. vòng cực.

Câu 12: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất **không** phải là nguyên nhân chính gây nên hiện tượng

- A. giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày. B. sự luân phiên ngày đêm trên Trái Đất.
C. lệch hướng chuyển động của các vật thể. D. khác nhau giữa các mùa trong một năm.

Câu 13: Giờ mặt trời còn được gọi là giờ

- A. địa phương. B. GMT. C. múi. D. khu vực.

Câu 14: Khu du lịch Bà Nà hill ở Đà Nẵng là biểu hiện của quy luật nào sau đây?

- A. Quy luật địa ô. B. Quy luật phi địa đới. C. Quy luật địa đới. D. Quy luật đai cao.

Câu 15: Nhân tố khiến cho tỉ suất sinh cao là

- A. chiến tranh, thiên tai tự nhiên. B. phong tục tập quán lạc hậu.
C. chính sách dân số có hiệu quả. D. đời sống ngày càng nâng cao.

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu 1: (3,0 điểm)

a. Trình bày một số nhân tố ảnh hưởng tới lượng mưa. (2,0 điểm)

b. Vì sao xích đạo là nơi mưa nhiều nhất? (1,0 điểm)

Câu 2: (2,0 điểm) Cho bảng số liệu:

Cơ cấu phân bố dân cư trên thế giới năm 1950 và 2019.

(Đơn vị: %)

Năm	Toàn thế giới	Châu Á	Châu Âu	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
1950	100	55,2	21,7	9,1	13,5	0,5
2019	100	59,4	9,6	17,2	13,3	0,5

(Nguồn: Dân số .org năm 2019)

a. Hãy chọn dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sự thay đổi cơ cấu phân bố dân cư giữa các châu lục trên thế giới.

b. Nhận xét sự thay đổi tỷ trọng phân bố dân cư trên thế giới.

c. Giải thích sự thay đổi tỷ trọng phân bố dân cư châu Á.

----- HẾT -----

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh :SBD:

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

1	2	3	4	5
D	A	A	A	B
6	7	8	9	10
C	C	C	B	B
11	12	13	14	15
C	D	A	D	B

B. TỰ LUẬN (5 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (3,0 điểm)	1. Trình bày các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa.	3,0
	- Khí áp + Các khu khí áp thấp hút gió và đẩy không khí ẩm lên cao sinh ra mây, gặp nhiệt độ thấp sinh ra mưa. + Ở các khu khí áp cao, không khí ẩm không bốc lên được, lại chỉ có gió thổi đi, không có gió thổi đến, nên mưa rất ít hoặc không mưa.	0,5đ
	- Frông + Do sự tranh chấp giữa khối không khí nóng và không khí lạnh đã dẫn đến nhiều loạn không khí và sinh ra mưa. Miền có Frông, nhất là miền có dải hội tụ nhiệt đới đi qua, thường mưa nhiều.	0,5đ
	- Gió + Những vùng sâu trong các lục địa, nếu không có gió từ đại dương thổi vào thì mưa rất ít. + Miền có gió Mậu dịch ít mưa, vì gió này chủ yếu là gió khô. + Miền có gió mùa mưa nhiều, vì gió mùa hạ thổi từ đại dương vào đem theo nhiều hơi nước.	0,5đ 0,5đ
	- Dòng biển + Bờ đại dương gần nơi có dòng biển nóng đi qua thường có mưa nhiều. + Bờ đại dương gần nơi có dòng biển lạnh đi qua mưa ít.	0,5đ
	- Địa hình + Cùng một sườn núi đón gió, càng lên cao, nhiệt độ càng giảm, càng mưa nhiều. + Cùng một dãy núi, sườn đón gió mưa nhiều, sườn khuất gió thường mưa ít.	
	- Vì xích đạo là nơi phân bố chủ yếu đại dương, ít lục địa. Nên bức xạ mặt trời làm đại dương bốc hơi nhanh và gây mưa nhiều	0,5đ
2 (2,0 điểm)	a. Chọn dạng biểu đồ: Biểu đồ hình tròn. (Nếu dạng biểu đồ khác không cho điểm)	0,5
	b. Nhận xét:	
	- Dân cư Châu Á chiếm tỉ trọng lớn nhất và đang tăng (dẫn chứng).	0,25
	- Dân cư Châu Âu và Châu Mỹ chiếm tỉ trọng không lớn nhưng đang giảm đặc biệt châu Âu giảm nhanh (dẫn chứng).	0,25
	- Dân cư Châu Phi chiếm tỉ trọng tương đối thấp nhưng tăng nhanh (dẫn chứng)	0,25
	- Châu Đại Dương chiếm tỉ trọng thấp nhất và khá ổn định (dẫn chứng)	0,25
	(Học sinh không dẫn chứng gì thì trừ 0,5 điểm, thiếu từ 2 đến 3 dẫn chứng thì trừ 0,25 điểm)	0,25

	c. Giải thích: - Do Châu Á có lãnh thổ rộng lớn, lịch sử khai phá lãnh thổ lâu đời. - Điều kiện tự nhiên thuận lợi, ít chịu ảnh hưởng của các dòng chuyển cư liên lục địa, tỉ suất gia tăng tự nhiên cao... <i>(Học sinh giải thích các ý khác mà giáo viên thấy hợp lí thì vẫn cho điểm, nhưng tổng điểm không vượt quá 0,5 điểm)</i>	0,25 0,25
--	--	--------------

----- HẾT -----

uigeli.xyz ĐỀ 4	ĐỀ ÔN TẬP HỌC KỲ I MÔN: ĐỊA LÝ 10
---------------------------	--

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

- Câu 1.** Khi đi từ phía Tây sang phía Đông, qua kinh tuyến 180° người ta phải
 A. lùi lại 1 giờ. B. lùi lại 1 ngày lịch.
 C. tăng thêm 1 ngày lịch. D. tăng thêm 1 giờ.
- Câu 2.** Nhân tố nào sau đây có vai trò quyết định đến việc tạo nên thành phần vô cơ cho đất?
 A. Đá mẹ. B. Địa hình. C. Sinh vật. D. Khí hậu.
- Câu 3.** Trên Trái Đất, mưa nhiều nhất ở vùng
 A. ôn đới. B. cực. C. chí tuyến. D. xích đạo.
- Câu 4.** Người ta chia bề mặt Trái Đất làm 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng
 A. 13° kinh tuyến. B. 15° kinh tuyến. C. 11° kinh tuyến. D. 18° kinh tuyến.
- Câu 5.** Yếu tố nào sau đây góp phần chủ yếu làm cho chế độ nước sông điều hòa?
 A. Địa hình đồi núi dốc nhiều. B. Bề mặt đất đồng bằng rộng.
 C. Nước mưa chảy trên mặt. D. Các mạch nước ngầm.
- Câu 6.** Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao cận chí tuyến về áp thấp
 A. cực. B. xích đạo. C. ôn đới. D. chí tuyến.
- Câu 7.** Lớp vỏ Trái Đất ở đại dương được cấu tạo chủ yếu từ tầng đá nào sau đây?
 A. Tầng trầm tích. B. Tầng bazan. C. Tầng biến chất. D. Tầng granit.
- Câu 8.** Bốn mùa biểu hiện rõ nhất ở khu vực nào sau đây?
 A. Ôn đới. B. Xích đạo. C. 2 cực. D. Chí tuyến.
- Câu 9.** Ngày nào sau đây ở Bắc bán cầu có thời gian ban ngày dài nhất, ban đêm ngắn nhất trong năm?
 A. 23/9. B. 22/6. C. 22/12. D. 21/3.
- Câu 10.** Dao động thủy triều lớn nhất (triều cường) xảy ra khi Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất nằm
 A. vuông góc với nhau. B. thẳng hàng với nhau.
 C. lệch nhau góc 45 độ. D. lệch nhau góc 60 độ.
- Câu 11.** Khi một khối không khí ẩm gặp núi và vượt lên cao, nếu ở độ cao 200m, nhiệt độ của không khí là 30°C thì lên tới đỉnh núi có độ cao 2000m thì nhiệt độ của không khí sẽ là
 A. 19,5°C. B. 19,4°C. C. 19,7°C. D. 19,2°C.
- Câu 12.** Đặc trưng của thổ nhưỡng là
 A. độ phì. B. độ ẩm. C. toi xốp. D. vụn bờ.
- Câu 13.** Trong quá trình hình thành đất, khí hậu **không** có vai trò nào sau đây?
 A. Cung cấp các vật chất hữu cơ cho đất. B. Tạo môi trường cho vi sinh vật hoạt động.
 C. Làm cho đá gốc bị phân hủy về mặt vật lí. D. Ảnh hưởng đến hòa tan, rửa trôi vật chất.
- Câu 14.** Hồ được hình thành tại các khúc uốn sông bị tách ra khỏi dòng chính sau khi sông chuyển dòng được gọi là hồ
 A. móng ngựa. B. núi lửa. C. nhân tạo. D. băng hà.
- Câu 15.** Dạng địa hình nào sau đây do gió tạo thành?
 A. Thung lũng sông, suối. B. Ngọn đá sót hình nấm.

C. Các vịnh hẹp băng hà.

D. Các khe rãnh xói mòn.

Câu 16. Biểu hiện nào sau đây **không** phải là do tác động của nội lực?

A. Đá nứt vỡ do thay đổi nhiệt độ đột ngột.

B. Đá bị đứt gãy tạo thành địa hào, địa lũy.

C. Lục địa được nâng lên hay hạ xuống.

D. Đá bị uốn nếp tạo thành dãy núi uốn nếp.

Câu 17. Khối khí chí tuyến (T) có tính chất

A. nóng ẩm.

B. lạnh khô.

C. lạnh ẩm.

D. rất nóng.

Câu 18. Nhân tố nào sau đây **không** ảnh hưởng đến sự thay đổi của khí áp?

A. Độ ẩm.

B. Hướng gió.

C. Độ cao.

D. Nhiệt độ.

Câu 19. Ở miền khí hậu nóng, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

A. nước ngầm.

B. thực vật.

C. địa hình.

D. chế độ mưa.

Câu 20. Khi giờ GMT là 23h ngày 27/12/2022 thì ở Hà Nội (GMT +7) là

A. 6h ngày 28/12/2022.

B. 7h ngày 28/12/2022.

C. 6h ngày 27/12/2022.

D. 7h ngày 27/12/2022.

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)**Câu 1.** (4 điểm)

a) Trình bày ảnh hưởng của khí áp và frông đến lượng mưa trên Trái Đất.

b) Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM VÀ
BIẾN ĐỘ NHIỆT ĐỘ NĂM THEO Vĩ ĐỘ Ở BÁN CẦU BẮC

Vĩ độ	Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Biên độ nhiệt độ năm (°C)
0°	24,5	1,8
20°	25,0	7,4
30°	20,4	13,3
40°	14,0	17,7
50°	5,4	23,8
60°	-0,6	29,0
70°	-10,4	32,2
...	...	...

(Nguồn: SGK Địa lí 10 – Kết nối tri thức)

Hãy nhận xét và giải thích về sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc.

Câu 2. (1 điểm) Vì sao lũ ở các sông ngòi miền Trung thường lên nhanh và đột ngột?

---- HẾT ----

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5
B	A	D	B	D
6	7	8	9	10
C	B	A	B	B
11	12	13	14	15
D	A	A	A	B
16	17	18	19	20
A	D	B	D	A

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)**Câu 1.** Lớp vỏ Trái Đất ở lục địa được cấu tạo chủ yếu từ tầng đá nào sau đây?

A. Tầng biên chất. B. Tầng bazan. C. Tầng trầm tích. D. Tầng granit.

Câu 2. Khi đi từ phía Đông sang phía Tây, qua kinh tuyến 180° người ta phải

A. lùi lại 1 giờ. B. tăng thêm 1 giờ.
C. lùi lại 1 ngày lịch. D. tăng thêm 1 ngày lịch.

Câu 3. Ngày nào sau đây ở bán cầu Bắc có thời gian ban ngày ngắn nhất, ban đêm dài nhất trong năm?

A. 21/3. B. 22/6. C. 23/9. D. 22/12.

Câu 4. Để thuận tiện tính giờ múi, người ta chia bề mặt Trái Đất ra thành

A. 21 múi giờ. B. 22 múi giờ. C. 23 múi giờ. D. 24 múi giờ.

Câu 5. Bốn mùa biểu hiện rõ nhất ở khu vực nào sau đây?

A. Xích đạo. B. Chí tuyến. C. Ôn đới. D. 2 cực.

Câu 6. Khi giờ GMT là 21h ngày 27/12/2022 thì ở Hà Nội là

A. 4h ngày 28/12/2022. B. 5h ngày 28/12/2022. C. 4h ngày 27/12/2022. D. 5h ngày 27/12/2022.

Câu 7. Dạng địa hình nào sau đây **không** phải do băng hà tạo nên?

A. Vịnh hẹp băng hà. B. Các đá trún cừ. C. Cao nguyên băng hà. D. Hàm ếch sóng vỗ.

Câu 8. Biểu hiện nào sau đây là do tác động của ngoại lực tạo nên?

A. Lục địa được nâng lên hay hạ xuống. B. Đá bị uốn nếp tạo thành dãy núi uốn nếp.
C. Đá nứt vỡ do thay đổi nhiệt độ đột ngột. D. Đá bị đứt gãy tạo thành địa hào, địa lũy.

Câu 9. Khối khí cực (A) có tính chất

A. lạnh ẩm. B. rất nóng. C. rất lạnh. D. nóng ẩm.

Câu 10. Trên Trái Đất, mưa tương đối ít ở vùng

A. xích đạo. B. ôn đới. C. chí tuyến. D. cực.

Câu 11. Vành đai khí áp nào sau đây chung cho cả hai bán cầu Bắc và Nam?

A. Áp cao cực. B. Áp thấp ôn đới.
C. Áp thấp Xích đạo. D. Áp cao cận chí tuyến.

Câu 12. Gió Mậu dịch thổi từ áp cao cận chí tuyến về áp thấp

A. chí tuyến. B. ôn đới. C. xích đạo. D. cực.

Câu 13. Khi gió khô di chuyển xuống núi, nhiệt độ của không khí là 19°C ở đỉnh núi cao 2000m, thì khi xuống đến độ cao 200m, nhiệt độ của không khí sẽ là

A. 30°C. B. 32°C. C. 35°C. D. 37°C.

Câu 14. Ở miền ôn đới lạnh, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

A. địa hình. B. chế độ mưa. C. băng tuyết. D. thực vật.

Câu 15. Dao động thủy triều nhỏ nhất (triều kém) xảy ra khi Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất nằm

A. vuông góc với nhau. B. thẳng hàng với nhau.
C. lệch nhau góc 45 độ. D. lệch nhau góc 60 độ.

Câu 16. Hồ được hình thành tại các nơi lún sụt, nứt vỡ trên mặt đất do các mảng kiến tạo di chuyển được gọi là hồ

A. móng ngựa. B. băng hà. C. núi lửa. D. kiến tạo.

Câu 17. Yếu tố nào sau đây góp phần chủ yếu làm cho chế độ nước sông điều hòa?

A. Nước mưa chảy trên mặt. B. Các mạch nước ngầm.
C. Địa hình đồi núi dốc nhiều. D. Bề mặt đất đồng bằng rộng.

Câu 18. Căn cứ vào yếu tố nào sau đây để phân biệt đất với đá?

A. Độ ẩm. B. Độ rắn. C. Độ phì. D. Nhiệt độ.

Câu 19. Nhân tố nào sau đây có vai trò quyết định đến việc tạo nên thành phần hữu cơ cho đất?

A. Khí hậu.

B. Sinh vật.

C. Địa hình.

D. Đá mẹ.

Câu 20. Trong quá trình hình thành đất, thực vật **không** có vai trò nào sau đây?

A. Cung cấp vật chất hữu cơ.

B. Góp phần làm phá hủy đá.

C. Hạn chế xói mòn, rửa trôi.

D. Phân giải, tổng hợp chất mùn.

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Trình bày tác động của khí hậu và sinh vật đến sự hình thành đất trên Trái Đất.

Câu 2. (2 điểm) So sánh vận động theo phương thẳng đứng và vận động theo phương nằm ngang.

Câu 3. (1 điểm) Cho bảng số liệu:

LƯU LƯỢNG NƯỚC TRUNG BÌNH THÁNG CỦA SÔNG HỒNG TẠI TRẠM HÀ NỘI

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1456	1343	1215	1522	2403	4214	7300	7266	5181	3507	2240	1517

(Nguồn: SGK Địa lí 10 – Kết nối tri thức)

a) Dựa vào bảng số liệu, em hãy xác định thời gian mùa lũ, mùa cạn của sông Hồng.

b) Theo em, để vẽ biểu đồ thể hiện lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng tại trạm Hà Nội, biểu đồ nào là thích hợp nhất?

---HẾT---

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0.25 điểm

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐÁP ÁN	D	D	D	D	C	A	D	C	C	C
CÂU	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐÁP ÁN	C	C	D	C	A	D	B	C	B	D

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1		Phân tích tác động của khí hậu và sinh vật đến sự hình thành đất trên Trái Đất.	2,0
		- Khí hậu:	1,0
		+ Các yếu tố khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành đất là nhiệt và ẩm:	0.25
		• Tác động của nhiệt và ẩm làm đá gốc bị phá hủy trở thành sản phẩm phong hóa, rồi sau đó lại tiếp tục phong hóa thành đất.	0.25
		• Nhiệt và ẩm còn ảnh hưởng đến sự hòa tan, rửa trôi hoặc tích tụ vật chất trong các tầng đất, đồng thời tạo ra môi trường để vi sinh vật phân giải và tổng hợp chất hữu cơ cho đất.	0.25
		+ Khí hậu còn ảnh hưởng gián tiếp đến quá trình hình thành đất thông qua lớp phủ	0.25

		thực vật. Thực vật sinh trưởng tốt sẽ hạn chế việc xói mòn đất, đồng thời cung cấp nhiều chất hữu cơ cho đất.														
		- Sinh vật:	1,0													
		Đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất.	0.25													
		+ Thực vật cung cấp chất hữu cơ (cành khô, lá rụng...) cho đất, rễ thực vật bám vào các khe nứt của đá làm phá hủy đá.	0.25													
		+ Vi sinh vật phân giải xác sinh vật và tổng hợp thành mùn.	0.25													
		+ Động vật sống trong đất (giun, kiến, mối...) cũng góp phần làm biến đổi một số tính chất lý hóa của đất.	0.25													
2		So sánh vận động theo phương thẳng đứng và vận động theo phương nằm ngang.	2,0													
		- Giống nhau:	0.5													
		+ Đều do nội lực sinh ra.	0.25													
		+ Đều có tác động to lớn đối với việc thay đổi địa hình Trái Đất.	0.25													
		- Khác nhau:	1.5													
		<table> <tr> <th></th><th>VẬN ĐỘNG THEO PHƯƠNG THẲNG ĐỨNG</th><th>VẬN ĐỘNG THEO PHƯƠNG NẴM NGANG</th><td rowspan="4">Mỗi ý đúng 0.25 điểm</td></tr> <tr> <td>Nguyên nhân</td><td>Chủ yếu do sự chuyển dịch vật chất theo trọng lực.</td><td>Chủ yếu do lực nén ép theo phương nằm ngang.</td></tr> <tr> <td>Biểu hiện</td><td>Làm cho vỏ Trái Đất được nâng lên, mở rộng diện tích lục địa ở khu vực này và hạ xuống, thu hẹp diện tích lục địa ở khu vực kia một cách chậm chạp và lâu dài.</td><td>Làm cho vỏ Trái Đất bị nén ép ở khu vực này và tách giãn ở khu vực kia.</td></tr> <tr> <td>Kết quả</td><td>Sinh ra hiện tượng biến tiến, biến thoái.</td><td>Gây ra các hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.</td></tr> </table>		VẬN ĐỘNG THEO PHƯƠNG THẲNG ĐỨNG	VẬN ĐỘNG THEO PHƯƠNG NẴM NGANG	Mỗi ý đúng 0.25 điểm	Nguyên nhân	Chủ yếu do sự chuyển dịch vật chất theo trọng lực.	Chủ yếu do lực nén ép theo phương nằm ngang.	Biểu hiện	Làm cho vỏ Trái Đất được nâng lên, mở rộng diện tích lục địa ở khu vực này và hạ xuống, thu hẹp diện tích lục địa ở khu vực kia một cách chậm chạp và lâu dài.	Làm cho vỏ Trái Đất bị nén ép ở khu vực này và tách giãn ở khu vực kia.	Kết quả	Sinh ra hiện tượng biến tiến, biến thoái.	Gây ra các hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.	
	VẬN ĐỘNG THEO PHƯƠNG THẲNG ĐỨNG	VẬN ĐỘNG THEO PHƯƠNG NẴM NGANG	Mỗi ý đúng 0.25 điểm													
Nguyên nhân	Chủ yếu do sự chuyển dịch vật chất theo trọng lực.	Chủ yếu do lực nén ép theo phương nằm ngang.														
Biểu hiện	Làm cho vỏ Trái Đất được nâng lên, mở rộng diện tích lục địa ở khu vực này và hạ xuống, thu hẹp diện tích lục địa ở khu vực kia một cách chậm chạp và lâu dài.	Làm cho vỏ Trái Đất bị nén ép ở khu vực này và tách giãn ở khu vực kia.														
Kết quả	Sinh ra hiện tượng biến tiến, biến thoái.	Gây ra các hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.														
3	a	Hãy tính toán và cho biết thời gian mùa lũ, mùa cạn của sông Hồng.	0.5													
		- Mùa lũ: từ tháng 6 đến tháng 10.	0.25													
		- Mùa cạn: từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau.	0.25													
	b	Biểu đồ đường.	0.5													

Câu 1 (4,0 điểm).

- a) Trình bày các hệ quả chuyển động tự quay quanh trục Trái đất.
b) Trình bày nội dung của Thuyết kiến tạo mảng.

Câu 2 (6,0 điểm).

- a) Trình bày và giải thích sự phân bố mưa trên Trái đất.
b) Giải thích sự hình thành các đai khí áp và đới gió thường xuyên trên Trái đất.

Câu 3 (6,0 điểm).

- a) Trình bày quy luật hoạt động của dòng biển trong các đại dương. Phân tích vai trò dòng biển trong việc hình thành cảnh quan ven bờ.
- b) Dựa vào kiến thức đã học, hãy phân biệt các loại hồ trên Trái đất theo nguồn gốc hình thành.

Câu 4 (4,0 điểm). Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM VÀ BIẾN ĐỘ NHIỆT Ở CÁC Vĩ ĐỘ

Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	70°
Nhiệt độ	24,5	25,0	20,0	14,0	5,4	- 0,6	- 10,4
Biên độ nhiệt	1,8	7,4	13,3	17,7	23,8	29,0	32,2

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy nhận xét và giải thích sự phân bố nhiệt độ theo vĩ độ trên Trái đất.

..... **HẾT**

ĐÁP ÁN

Câu 1 (4,0 điểm).

a) Trình bày các hệ quả chuyển động tự quay quanh trục Trái đất (2,0 đ)

- Ngày và đêm luân phiên nhau.
- Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế.
- Lực Cô-ri-ô-lit.

b) Trình bày nội dung của Thuyết kiến tạo mảng (2,0 đ)

- Thuyết kiến tạo mảng cho rằng vỏ Trái Đất trong quá trình hình thành của nó đã bị biến dạng do các đứt gãy và tách ra thành một số đơn vị kiến tạo. Mỗi đơn vị là một mảng cứng, gọi là các mảng kiến tạo.

- Các mảng kiến tạo lớn: mảng Thái Bình Dương, mảng Ô-xtrây-li-a - Ấn Độ, mảng Âu – Á, mảng Phi, mảng Bắc Mỹ, mảng Nam Mỹ, mảng Nam Cực.

- Các mảng kiến tạo không chỉ là những bộ phận lục địa nổi trên bề mặt Trái Đất, mà chúng còn bao gồm cả những bộ phận lớn của đáy đại dương.

- Các mảng kiến tạo nhẹ, nổi trên một lớp vật chất quán dẻo, thuộc phần trên của lớp Manti. Chúng không đứng yên mà dịch chuyển trên lớp quán dẻo này.

- Trong khi di chuyển, các mảng có thể xô vào nhau hoặc tách xa nhau. Hoạt động chuyển dịch của một số mảng lớn của vỏ Trái Đất là nguyên nhân sinh ra các hiện tượng kiến tạo, động đất, núi lửa...

+ Khi hai mảng kiến tạo xô vào nhau, ở chỗ tiếp xúc của chúng, đã sẽ bị nén ép, dồn lại và nhô lên, hình thành các dãy núi cao, sinh ra động đất, núi lửa,... (ví dụ: dãy Hi-ma-lay-a được hình thành do mảng Ấn Độ – Ô-xtrây-li-a xô vào mảng Âu – Á).

+ Khi hai mảng tách xa nhau, ở các vết nứt tách giãn, magma sẽ trào lên, tạo nên các dãy núi ngầm, kèm theo hiện tượng động đất hoặc núi lửa (ví dụ, sông núi ngầm giữa Đại Tây Dương).

Câu 2 (6,0 điểm).

a) Trình bày và giải thích sự phân bố mưa trên Trái đất (3,0 điểm)

+ Theo vĩ độ địa lí:

- Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo do khí áp thấp, nhiệt độ cao, có diện tích rừng xích đạo và đại dương lớn nên lượng bốc hơi cao.

- Mưa tương đối ít ở chí tuyến do khí áp cao, diện tích lục địa lớn.

- Mưa tương đối nhiều ở khu vực ôn đới do có áp thấp, gió Tây ôn đới.

- Mưa càng ít khi càng về gần 2 cực Bắc và Nam do khí áp cao, nhiệt độ không khí rất thấp, nước khó bốc hơi để ngưng tụ thành mây.

+ Theo địa hình

- Theo độ cao: càng lên cao lượng mưa càng tăng, đến độ cao nhất định, độ ẩm không khí giảm mạnh sẽ không còn mưa.

- Hướng sườn: Sườn đón gió mưa nhiều, sườn khuất gió mưa ít.

+ Theo lục địa và đại dương:

- Mưa nhiều hay ít tùy thuộc và vị trí gần hay xa đại dương. Càng vào sâu trong lục địa mưa càng ít.

- Dòng biển nóng hay dòng biển lạnh chảy ven bờ. Ở nhiệt đới, bờ đông lục địa mưa nhiều hơn bờ tây; ở ôn đới, bờ tây mưa nhiều hơn bờ đông.

b) Giải thích sự hình thành các đai khí áp và đới gió thường xuyên trên Trái đất (3,0 điểm)

Nguyên nhân hình thành các đai khí áp trên TĐ có liên quan chặt chẽ tới nhiệt lực, sự phân bố các đai khí áp trên Trái Đất có mối quan hệ với các vòng đai nhiệt.

+ Ở XD, không khí bị mặt đất đốt nóng, nở ra => hình thành đai áp thấp XD.

+ Không khí bị mặt đất đốt nóng ở XD nở ra => bay cao lên => đến một độ cao nhất định bị lạnh đi. Do phía dưới vẫn có các dòng không khí đi lên => khí lạnh này không hạ xuống được => đi về phía 2 cực và bị lệch về phía Đông do tác động của lực Coriolit. Tới các vĩ độ $30^0 - 35^0$, độ lệch này lên tới 90^0 so với kinh tuyến, các dòng khí chuyển động song song với vĩ tuyến. Không khí lạnh hãm hạ xuống rất mạnh => hình thành đai áp cao cận chí tuyến

+ Ở cực do lạnh nên không khí co lại hình thành đai áp cao cực

+ Do sự chênh lệch về khí áp, có gió thổi từ khu áp cao cận nhiệt về 2 cực do tác động của lực Coriolit làm lệch về phía Đông, tới các vĩ độ $45^0 - 50^0$ sẽ hầu như thổi theo hướng T-Đ, tạo thành đới gió Tây.

+ Những luồng gió thổi về XD theo kinh tuyến do tác động của lực Coriolit sẽ thổi theo hướng TB-ĐN (BCB) và hướng ĐN-TB (BCN) tạo thành đới gió Tín Phong.

+ Những luồng gió thổi từ khu áp cao ở cực về phía XD cũng bị lực Coriolit tác động tới các vĩ độ dưới 65^0 đã có phương song song với vĩ tuyến, hướng Đông - Tây tạo thành đới gió Đông cực.

+ Vùng ôn đới nằm giữa 2 đai gió Đông và gió Tây là vòng đai lặng gió. Tại đây, gió thổi đến từ 2 phía Bắc – Nam ngược nhau tạo nguyên nhân động lực hình thành đai áp thấp ôn đới.

- Thực tế các đai khí áp bị chia cắt thành từng khu khí áp riêng biệt, chủ yếu là do sự phân bố xen kẽ giữa lục địa và đại dương.

Câu 3 (6,0 điểm).

a) Trình bày quy luật hoạt động của dòng biển trong các đại dương. Phân tích vai trò dòng biển trong việc hình thành cảnh quan ven bờ (3,0 điểm)

*Quy luật hoạt động của dòng biển trong các đại dương (2,0đ)

Các dòng biển nóng thường phát sinh ở hai bên Xích đạo, chảy về hướng tây, gặp lục địa thì chuyển hướng chảy về phía cực.

- Các dòng biển lạnh xuất phát từ khoảng vĩ tuyến $30^{\circ} - 40^{\circ}$ thuộc khu vực gần bờ phía đông của các đại dương rồi chảy về phía Xích đạo, cùng với dòng biển nóng tạo thành những hệ thống hoàn lưu trên các đại dương ở từng bán cầu.

Ở vĩ độ thấp, hướng chảy của các vòng hoàn lưu lớn ở bán cầu Bắc theo chiều kim đồng hồ, ở bán cầu Nam theo chiều ngược lại.

Ở bán cầu Bắc còn có những dòng biển lạnh xuất phát từ vùng cực, men theo bờ tây các đại dương chảy về phía Xích đạo.

+ Ở vùng gió mùa thường xuất hiện các dòng biển đổi chiều theo mùa.

+ Các dòng biển nóng và lạnh chảy đối xứng nhau ở hai bờ các đại dương.

* Phân tích vai trò dòng biển trong việc hình thành cảnh quan ven bờ (1,0đ)

- Địa hình ven biển.

- Khí hậu và cảnh quan.

b) Dựa vào kiến thức đã học, hãy phân biệt các loại hồ trên Trái đất theo nguồn gốc hình thành (3,0 điểm)

Có hai loại hồ chính là hồ tự nhiên và hồ nhân tạo:

- **Hồ tự nhiên:** do các quá trình tác động tạo nên.

+ Hồ móng ngựa: do quá trình uốn khúc và đổi dòng của sông ở các vùng đồng bằng.

+ Hồ kiến tạo: hình thành ở vùng trũng trên các đứt gãy kiến tạo.

+ Hồ núi lửa: có nguồn gốc từ hoạt động của núi lửa. Các hồ núi lửa thường hình thành ở miệng núi lửa và khá sâu.

+ Hồ băng hà: trong quá trình di chuyển, các khối đá do sông băng cổ mang theo đã bào lõm mặt đất bên dưới. Về sau, khi sông băng không còn, các hố lõm trở thành lòng hồ, như hệ thống Ngũ Hồ (ở biên giới Hoa Kỳ và Ca-na-đa).

- **Hồ nhân tạo:** là hồ do con người tạo nên, với các mục đích khác nhau như hồ chứa thủy điện, hồ thủy lợi, hồ cảnh quan,...

Câu 4. Căn cứ bảng số liệu, hãy nhận xét và giải thích sự phân bố nhiệt độ theo vĩ độ trên Trái đất (4,0 điểm).

- Nhiệt độ: Nhiệt độ không khí giảm dần tuy nhiên không liên tục (dc).

Do: Nhiệt độ không khí thay đổi phụ thuộc vào bức xạ Mặt Trời và tính chất bề mặt đệm (lục địa hay đại dương, băng tuyết...).

- Biên độ nhiệt: Càng về vĩ độ thấp thì biên độ nhiệt năm nhỏ, càng lên vĩ độ cao thì biên độ nhiệt năm càng lớn (dc).

Do: do thời gian chiếu sáng và góc nhập xạ có sự thay đổi giữa các mùa trong năm theo vĩ độ: Càng về vĩ độ thấp, thời gian chiếu sáng và góc nhập xạ thay đổi giữa mùa hạ và mùa đông càng ít. Càng lên vĩ độ cao, góc nhập xạ càng có sự thay đổi lớn giữa mùa đông và mùa hạ; thời gian chiếu sáng cũng có sự chênh lệch lớn giữa mùa đông và mùa hạ (mùa đông: 6 tháng là đêm (hoàn toàn nằm trong bóng tối); mùa hạ: 6 tháng là ngày (hoàn toàn nằm trước sáng)).

..... HẾT

uigeli.xyz

ĐỀ 7**ĐỀ ÔN TẬP HỌC KỲ I****MÔN: ĐỊA LÍ 10****I. Trắc nghiệm (5,0 điểm)**

- Câu 1.** Quy luật địa ô là sự thay đổi các thành phần và cảnh quan địa lí theo
A. vĩ độ. **B.** độ cao. **C.** kinh độ. **D.** địa hình.
- Câu 2.** Nguyên nhân chủ yếu hình thành gió mùa là do sự chênh lệch khí áp giữa
A. lục địa và đại dương theo mùa. **B.** vùng chí tuyến và vùng ôn đới.
C. xích đạo và vùng cận chí tuyến. **D.** vùng ôn đới và vùng cực theo mùa.
- Câu 3.** Khi không khí chứa càng nhiều hơi nước thì khí áp sẽ
A. giảm do không khí chứa hơi nước nhẹ hơn không khí khô.
B. tăng do mật độ phân tử trong không khí tăng lên đáng kể.
C. tăng do không khí chứa hơi nước nặng hơn không khí khô.
D. giảm do không khí chứa hơi nước và không khí khô bằng nhau.
- Câu 4.** Dạng địa hình nào sau đây do quá trình bồi tụ tạo thành?
A. Vách biển tạm thời, cồn cát. **B.** Sông suối, hàm ếch sóng vỗ.
C. Sông, suối, cồn cát, nấm đá. **D.** Đồng bằng châu thổ, cồn cát.
- Câu 5.** Nhiệt độ không khí thay đổi theo bờ Đông và bờ Tây lục địa là do ảnh hưởng của
A. dòng biển. **B.** vĩ độ địa lí. **C.** lục địa. **D.** địa hình.
- Câu 6.** Trong hiện tượng uốn nếp, các lớp đá uốn thành nếp nhưng
A. cường độ nén ép tăng lên. **B.** cường độ nén ép giảm đi.
C. tính liên tục của đá bị phá vỡ. **D.** vẫn giữ nguyên tính liên tục.
- Câu 7.** Hồ móng ngựa là loại hồ được hình thành từ
A. hoạt động của động đất, núi lửa. **B.** khúc uốn của các con sông bị tách rời ra.
C. nơi sụt lún, nứt vỡ trên bề mặt đất. **D.** sự di chuyển khối đá do sông băng cổ.
- Câu 8.** Khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa thường có mưa vì
A. gió mùa mùa đông thổi từ biển vào thường đem theo mưa lớn.
B. gió mùa mùa hạ thổi từ biển vào mang theo nhiều ẩm và mưa lớn.
C. gió mùa mùa hạ và gió mùa mùa đông đều đem mưa rất lớn.
D. chịu ảnh hưởng của áp thấp hút gió và đẩy hơi ẩm lên cao.
- Câu 9.** Trong lớp vỏ địa lí, nếu khí hậu thay đổi kéo theo sự thay đổi của đất và sinh vật,... là biểu hiện của quy luật
A. địa ô. **B.** đai cao. **C.** địa đới. **D.** thống nhất và hoàn chỉnh.
- Câu 10.** Vào ngày không trăng, hiện tượng thủy triều có dao động
A. trung bình. **B.** lớn nhất. **C.** nhỏ nhất. **D.** tịnh tiến.
- Câu 11.** Ngày, đêm dài ngắn theo mùa và theo vĩ độ là hệ quả của chuyển động
A. tự quay quanh trục của Trái Đất. **B.** tịnh tiến quanh trục của Trái Đất.
C. xung quanh Mặt Trăng của Trái Đất. **D.** quay xung quanh Mặt Trời của Trái Đất.
- Câu 12.** Độ dài ngày và đêm trong mùa xuân ở bán cầu Bắc là
A. ngày ngắn hơn đêm. **B.** ngày, đêm dài 6 tháng.
C. ngày, đêm bằng nhau. **D.** ngày dài hơn đêm.

Câu 13. Các dòng biển lạnh thường phát sinh từ

- A. vùng vĩ độ thấp về vùng vĩ độ cao. B. vùng vĩ độ cao về vùng vĩ độ thấp.
C. bờ Đông về bờ Tây mỗi đại dương. D. bờ Đông lục địa về bờ Tây lục địa.

Câu 14. Sự phân bố các đai khí áp và đới gió trên Trái Đất là biểu hiện của quy luật

- A. địa ô. B. đai cao. C. địa đới. D. thống nhất và hoàn chỉnh.

Câu 15. Nhân tố khởi đầu của quá trình hình thành đất là

- A. sinh vật. B. khí hậu. C. đá mẹ. D. địa hình.

II. Tự luận (5,0 điểm)

Câu 1. (3,0 điểm) Trình bày mối quan hệ mật thiết giữa đất và sinh vật. Tại sao trên Trái Đất có nhiều loại đất khác nhau?

Câu 2. (2,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

SỰ PHÂN HOÁ KHÍ HẬU THEO ĐỊA HÌNH

Sườn	Tây		Đông	
Độ cao (m)	Nhiệt độ (°C)	Tính chất	Nhiệt độ (°C)	Tính chất
0	22	Khối không khí ẩm	32	Khối không khí khô
1000	16		22	
2000	10		12	
2200	7		7	

(Nguồn: Từ hình ảnh SGK Địa lí 10 Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)

Dựa vào bảng số liệu trên và kiến thức đã học, hãy cho biết sự phân hoá khí hậu theo địa hình là do loại gió nào gây ra? Giải thích sự hình thành loại gió đó ở 2 bên sườn núi.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5
C	A	A	D	A
6	7	8	9	10
D	B	B	D	B
11	12	13	14	15
D	D	B	C	C

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1.	a. Trình bày mối quan hệ mật thiết giữa đất và sinh vật.	2,0 điểm
	2 nhân tố trên đều có vai trò tác động qua lại lẫn nhau: * Đất có tác động tới sinh vật: - Cấu trúc, độ phì, độ pH của đất có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển, phân bố của thực vật, từ đó tác động tới sự phân bố của động vật. - Dẫn chứng: + Đất ngập mặn thích hợp với cây ưa mặn: vẹt, sù, đước, bần, ... + Đất feralit đỏ vàng dày, ẩm, tính chất vật lý tốt thích hợp với cây cà phê, cao su... ...	0,25 0,5
	(Học sinh có dẫn chứng thì thường 0,25 điểm nhưng không được vượt số điểm tối đa của câu hỏi)	
	* Sinh vật tác động tới đất: Sinh vật đóng vai trò chủ đạo đối với việc hình thành đất: - Động vật (giun, mối, chuột, ...) làm biến đổi tính chất lí, hoá của đất. - Xác thực vật, động vật cung cấp vật chất hữu cơ cho đất.	0,25 0,25 0,25

	- Rễ cây bám vào khe nứt làm phá hủy đá tạo điều kiện phong hóa đá mẹ tạo thành đất. - Vi sinh vật tổng hợp và phân giải chất hữu cơ từ xác sinh vật.	0,25 0,25
	b. Tại sao trên Trái Đất lại có nhiều loại đất khác nhau?	1,0 điểm
	- Sự hình thành đất chịu tác động tổng hợp và đồng thời của nhiều nhân tố khác nhau (d/c). - Mỗi nhân tố hình thành đất lại không giống nhau giữa các khu vực trên Trái Đất.	0,5 0,5
Câu 2.	Dựa vào bảng trên và kiến thức đã học, cho biết sự phân hoá khí hậu theo địa hình là do loại gió nào gây ra? Giải thích sự hình thành loại gió đó ở 2 bên sườn.	2,0 điểm
	- Gió phơn.	0,5
	- Giải thích:	
	+ Sườn Tây (sườn đón gió): Khi khối không khí mát, ẩm tới gặp bức chắn địa hình trong điều kiện nhiệt độ giảm, ngưng tụ rồi gây mưa cho sườn đón gió.	0,75
	+ Sườn Đông (sườn khuất gió): Khi khối không khí từ sườn Tây vượt núi qua bên sườn khuất gió, hơi nước đã giảm đi nhiều, nhiệt độ tăng (xuống 100m tăng 1°C), trở nên khô nóng.	0,75

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 5 điểm.**Câu 1.** Nguồn năng lượng sinh ra nội lực **không** phải là do

- A. sự phân huỷ các chất phóng xạ. B. các phản ứng hoá học khác nhau.
C. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất. D. sự dịch chuyển các dòng vật chất.

Câu 2. Mảng kiến tạo nào sao đây toàn là vỏ đại dương?

- A. Mảng Ấn Độ- Ô-xtrây-li-a B. Mảng Nam Mỹ.
C. Mảng Phi. D. Mảng Thái Bình Dương.

Câu 3. Ngoại lực có nguồn gốc từ

- A. bức xạ của Mặt Trời. B. bên trong Trái Đất.
C. lực hút của Trái Đất. D. nhân của Trái Đất.

Câu 4. Sử dụng thủy triều **không** nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Nuôi trồng thủy sản. B. Sản xuất điện năng.
C. Giao thông vận tải. D. Giảm thiểu hạn hán.

Câu 5. Thành phần chính trong không khí là khí

- A. Nitơ. B. Cacbonic. C. Hơi nước. D. Ô xi.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây đúng về sự thay đổi nhiệt độ nước biển theo thời gian?

- A. Mùa đông có nhiệt độ cao hơn mùa thu.
B. Ban ngày có nhiệt độ thấp hơn ban đêm.
C. Buổi trưa có nhiệt độ thấp hơn buổi chiều.
D. Mùa hạ có nhiệt độ cao hơn mùa đông.

Câu 7. Phương pháp kí hiệu dùng để thể hiện các đối tượng

- A. tập trung thành vùng rộng lớn. B. di chuyển theo các hướng bất kì.

C. phân bố theo những điểm cụ thể.

D. phân bố phân tán, lẻ tẻ, rời rạc.

Câu 8. Lãnh thổ Việt Nam nằm hoàn toàn trong múi giờ số mấy?

A. 5.

B. 6.

C. 7.

D. 8.

Câu 9. Các vành đai khí áp nào sau đây là áp thấp?

A. Chí tuyến, ôn đới.

B. Cực, chí tuyến.

C. Xích đạo, chí tuyến.

D. Ôn đới, xích đạo.

Câu 10. Khi Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất ở vị trí như thế nào thì dao động của thủy triều nhỏ nhất?

A. Vuông góc.

B. Thẳng hàng.

C. Vòng cung.

D. Đối xứng.

Câu 11. Nước trên lục địa gồm nước ở

A. trên mặt, nước ngầm.

B. băng tuyết, sông, hồ.

C. nước ngầm, hơi nước.

D. trên mặt, hơi nước.

Câu 12. Gió mùa thường hoạt động ở đâu?

A. Đới nóng.

B. Đới lạnh.

C. Đới ôn hòa.

D. Đới cận nhiệt.

Câu 13. Trong học tập, bản đồ là một phương tiện để học sinh

A. học thay sách giáo khoa.

B. xác định vị trí các bộ phận lãnh thổ trong bài.

C. thư giãn sau khi học xong bài.

D. học tập, rèn luyện các kỹ năng địa lí.

Câu 14. Ý nghĩa của hồ đầm đối với sông là

A. nhiều thung lũng.

B. điều hoà chế độ nước.

C. giảm số phụ lưu sông.

D. tạo địa hình dốc.

Câu 15. Đặc trưng của đất (thổ nhưỡng) là

A. vụn bở.

B. độ ẩm.

C. độ phì.

D. tơi xốp.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5điểm)

Câu 1. (2điểm): Giải thích tình hình phân bố mưa ở các khu vực xích đạo và chí tuyến?

Câu 2. (2điểm). Trình bày đặc điểm cơ bản của gió Mậu dịch?

Câu 3. (1điểm). Ảnh hưởng của dòng biển tới tự nhiên và kinh tế?

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 5 điểm

1	2	3	4	5
C	D	A	D	A
6	7	8	9	10
D	C	C	D	A
11	12	13	14	15
A	A	D	B	C

II. PHẦN TỰ LUẬN : 5 điểm

Câu 1. (2điểm): Giải thích tình hình phân bố mưa ở các khu vực xích đạo và chí tuyến?

- Xích đạo mưa nhiều nhất, vì: có khí áp thấp, dòng biển nóng hoạt động, đường xích đạo đi qua phần lớn bề mặt là biển và đại dương hoặc các khu rừng xích đạo ẩm, có nhiệt độ cao hơi nước bốc lên nhiều...
- Chí tuyến mưa tương đối ít, vì có khí áp cao, gió Mậu dịch hoạt động, diện tích lục địa lớn...

Câu 2. (2điểm). Trình bày đặc điểm cơ bản của gió Mậu dịch?

- Khu vực hoạt động: Áp cao cận nhiệt về áp thấp xích đạo.
- Hướng thổi: BCB là đông bắc, BCN là đông nam.
- Thời gian hoạt động: quanh năm.
- Tính chất: khô.

Câu 3.(1điểm). Ảnh hưởng của dòng biển tới tự nhiên và kinh tế?

- + Ảnh hưởng tới khí hậu ven bờ: nơi có dòng biển nóng chảy qua thì mưa nhiều, nơi có dòng biển lạnh chảy qua thì mưa ít.
- + Nơi gặp gỡ giữa dòng biển nóng và lạnh thường có nhiều sinh vật phù du, nguồn thức ăn dồi dào cho cá, tôm...hình thành nên các ngư trường lớn.
- + Phát triển giao thông vận tải biển.
- + Vận chuyển vật liệu (phù sa) bồi đắp địa hình ven biển.

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Hãy chọn ý đúng trong các câu sau: (Mỗi câu trả lời đúng được 0.33 đ)

Câu 1. Trên bản đồ kinh tế - xã hội, các đối tượng địa lí thường được thể hiện bằng phương pháp đường chuyển động là

- A. đường biên giới, điểm khai thác khoáng sản. B. trạm biến áp, đường dây tải điện.
C. nhà máy, đường giao thông. D. các luồng di dân, hướng vận tải.

Câu 2. Để thể hiện diện tích cây công nghiệp hàng năm và lâu năm của các tỉnh/thành phố ở nước ta, người ta thường dùng phương pháp

- A. chấm điểm. B. kí hiệu. C. vùng phân bố. D. bản đồ - biểu đồ.

Câu 3. Cấu trúc của Trái Đất gồm các lớp nào sau đây?

- A. Vỏ đại dương, Manti trên, nhân Trái Đất. B. Vỏ đại dương, lớp Manti, nhân Trái Đất.
C. Vỏ lục địa, lớp Manti, nhân Trái Đất. D. Vỏ Trái Đất, lớp Manti, nhân Trái Đất.

Câu 4. Biên độ nhiệt độ năm ở các vĩ độ trên bề mặt trái đất biến thiên theo chiều hướng

- A. Tăng dần từ xích đạo đến chí tuyến. B. Tăng dần từ xích đạo lên cực.
C. Giảm dần từ chí tuyến lên cực. D. Giảm dần từ xích đạo lên cực.

Câu 5. Trên bản đồ phân bố dân cư, quy mô của các đô thị thường được thể hiện bằng phương pháp

- A. chấm điểm. B. bản đồ - biểu đồ. C. khoanh vùng. D. kí hiệu.

Câu 6. Nơi nào sau đây trong năm luôn có thời gian ngày và đêm dài bằng nhau?

- A. Vòng cực. B. Chí tuyến. C. Cực. D. Xích đạo.

Câu 7. Việt Nam nằm trong múi giờ số

- A. 6. B. 4. C. 7. D. 5.

Câu 8. Về mùa hạ, ở các địa điểm trên bán cầu Bắc luôn có

- A. ngày đêm bằng nhau. B. ngày dài hơn đêm. C. toàn ngày hoặc đêm. D. đêm dài hơn ngày.

Câu 9. Frông là mặt ngăn cách giữa hai

- A. dòng biển nóng và lạnh ngược hướng nhau. B. khối khí khác biệt nhau về tính chất vật lí.
C. tầng khí quyển khác biệt nhau về tính chất. D. khu vực cao áp khác biệt nhau về trị số áp.

Câu 10. Thủy triều là hiện tượng dao động thường xuyên và có chu kì của các khối nước trong

A. các dòng sông lớn. B. các ao hồ. C. các biển và đại dương. D. các đầm lầy

Câu 11. Sườn đông dãy Trường Sơn nước ta có gió phơn khô nóng là do nguyên nhân nào sau đây?

A. Có khí áp cao. B. Gió Mậu Dịch thổi đến
C. Gió khô Tây Nam thổi đến. D. Ảnh hưởng của địa hình chắn gió.

Câu 12. Vào ngày trăng tròn dao động thủy triều sẽ có đặc điểm nào sau đây?

A. Lớn nhất. B. Nhỏ nhất. C. Trung bình. D. Yếu nhất.

Câu 13. Khí quyển là

A. quyển chứa toàn bộ chất khí.
B. khoảng không gian bao quanh Trái Đất.
C. lớp không khí có độ dày khoảng 500 km.
D. lớp không khí bao quanh Trái Đất, chịu ảnh hưởng của vũ trụ.

Câu 14. Nguyên nhân chủ yếu hình thành sóng là do

A. nước chảy. B. gió thổi. C. băng tan. D. mưa rơi.

Câu 15. Chế độ nước của một con sông phụ thuộc vào những nhân tố nào?

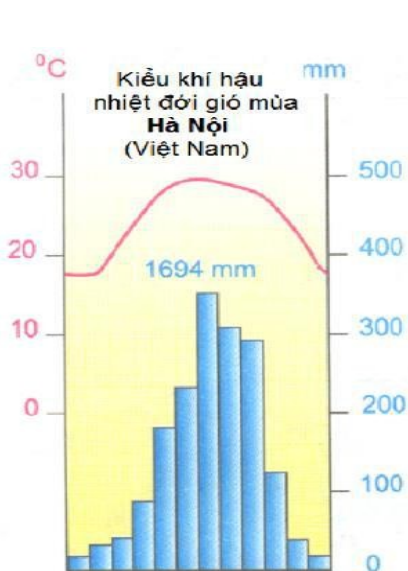
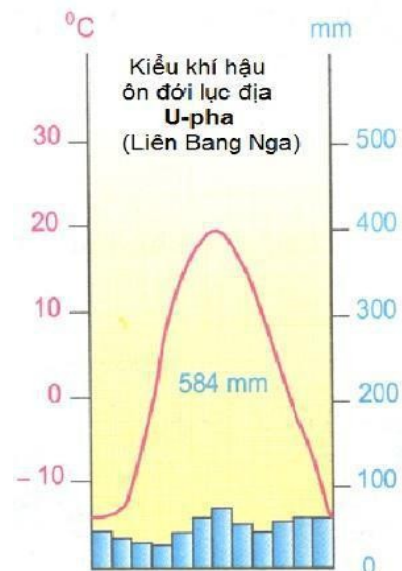
A. Chế độ gió, địa hình, thảm thực vật, nhiệt độ trung bình năm.
B. Nước ngầm, địa hình, thảm thực vật, nhiệt độ trung bình năm.
C. Chế độ mưa, băng tuyết, nước ngầm, nhiệt độ trung bình năm.
D. Chế độ mưa, băng tuyết, nước ngầm, địa hình, thảm thực vật, hồ đầm.

B. PHÂN TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm). Trình bày vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế-xã hội ?

Câu 2 (2,0 điểm). Nêu các nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi khí áp trên Trái Đất ? Trình bày sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất.

Câu 3 (2,0 điểm). Dựa vào lược đồ sau:



a) Em hãy hoàn thành yêu cầu sau:

Đặc điểm	Kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa	Kiểu khí hậu ôn đới lục địa
Tổng lượng mưa		
Lượng mưa trên 100mm		
Lượng mưa dưới 100mm		

b) Nhận xét sự chênh lệch về lượng mưa của 2 kiểu khí hậu ?

ĐÁP ÁN**I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)**

1	2	3	4	5
D	D	D	B	D
6	7	8	9	10
D	C	B	B	C
11	12	13	14	15
D	A	D	B	D

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm															
Câu 1	Vai trò của biển và đại dương: + Cung cấp nguồn tài nguyên quý giá. + Môi trường cho các hoạt động kinh tế - xã hội. + Điều hòa khí hậu, đảm bảo cân bằng sinh học.	1.0 điểm															
Câu 2	- Nguyên nhân thay đổi khí áp + Khí áp thay đổi theo độ cao: Càng lên cao, khí áp càng giảm (k ² loãng) + Khí áp thay đổi theo nhiệt độ: Nhiệt độ càng tăng, khí áp càng giảm và ngược lại (t ⁰ tăng không khí nở ra làm giảm tỉ trọng) + Khí áp thay đổi theo độ ẩm: Không khí chứa nhiều hơi nước, khí áp giảm - Sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất - Các đai cao áp, áp thấp phân bố xen kẽ và đối xứng qua đai áp thấp xích đạo. - Các đai khí áp phân bố không liên tục, do sự phân bố xen kẽ nhau giữa lục địa và ĐD + 1 đai áp thấp xích đạo + 2 đai áp cao cận chí tuyến + 2 đai áp thấp ôn đới + 2 đai áp cao cận cực	2.0 điểm															
Câu 3	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Kiểu u khí hậu</th><th>Kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa</th><th>Kiểu khí hậu ôn đới lục địa</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đặc điểm</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>Tổng lượng mưa</td><td>1694</td><td>584</td></tr> <tr> <td>Lượng mưa trên 100mm</td><td>Tháng 5,6,7,8,9,10</td><td>Không có tháng nào trên 100mm</td></tr> <tr> <td>Lượng mưa dưới 100mm</td><td>Tháng 1,2,3,4,11,12</td><td>12 tháng</td></tr> </tbody> </table>	Kiểu u khí hậu	Kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa	Kiểu khí hậu ôn đới lục địa	Đặc điểm			Tổng lượng mưa	1694	584	Lượng mưa trên 100mm	Tháng 5,6,7,8,9,10	Không có tháng nào trên 100mm	Lượng mưa dưới 100mm	Tháng 1,2,3,4,11,12	12 tháng	1,0 điểm
Kiểu u khí hậu	Kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa	Kiểu khí hậu ôn đới lục địa															
Đặc điểm																	
Tổng lượng mưa	1694	584															
Lượng mưa trên 100mm	Tháng 5,6,7,8,9,10	Không có tháng nào trên 100mm															
Lượng mưa dưới 100mm	Tháng 1,2,3,4,11,12	12 tháng															

***Nhận xét:** Ở Hà Nội, Chênh lệch lớn, mưa nhiều vào mùa hạ, ít mưa vào mùa đông.
Còn ở U-pha Khá đều trong năm và ở mức thấp, mùa hạ mưa nhiều hơn.

1,0 điểm

uigeli.xyz
ĐỀ 10

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KỲ I
MÔN: ĐỊA LÍ 10

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM. (5,0 điểm)

Câu 1. Các mảng kiến tạo có thể di chuyển là do

- A. sức hút mạnh mẽ từ các thiên thể mà nhiều nhất là Mặt Trời.
- B. do trục Trái Đất bị nghiêng và quay quanh Mặt Trời.
- C. do Trái Đất luôn tự quay quanh trục của chính nó.
- D. các dòng đối lưu vật chất quán dèo của lớp Manti trên.

Câu 2. Cho thông tin sau: “Trên các sườn núi hướng về hoang mạc Xa-ha-ra là cảnh quan hoang mạc núi, khắp nơi chỉ thấy sườn núi đá trơ trụi, khô cằn; gần tới đỉnh núi, nhờ nhiệt độ giảm, mát và ẩm hơn nên xuất hiện các đồng cỏ, cây bụi nhỏ”.

Dựa vào thông tin trên, cho biết sự thay đổi của các cảnh quan theo quy luật nào sau đây?

- A. Thống nhất và hoàn chỉnh.
- B. Địa ô.
- C. Đại cao.
- D. Địa đới.

Câu 3. Nguyên nhân dẫn tới quy luật địa ô là do

- A. sự luân phiên ngày đêm trên Trái Đất.
- B. bức xạ Mặt Trời thay đổi theo mùa.
- C. góc nhập xạ thay đổi từ Xích đạo về cực.
- D. sự phân bố đất liền và biển, đại dương.

Câu 4. Đặc điểm của gió mùa là

- A. độ ẩm các mùa tương tự nhau.
- B. tính chất không đổi theo mùa.
- C. nhiệt độ các mùa giống nhau.
- D. hướng gió thay đổi theo mùa.

Câu 5. Nơi nào sau đây trong năm luôn có thời gian ngày và đêm dài bằng nhau?

- A. Xích đạo.
- B. Chí tuyến.
- C. Cực.
- D. Vòng cực.

Câu 6. Ứng dụng nổi bật của GPS là

- A. chống trộm cho các phương tiện.
- B. định vị đối tượng.
- C. điều hành sự di chuyển đối tượng.
- D. tìm người và thiết bị đã mất.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng với quá trình phong hoá?

- A. Tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá hủy.
- B. Phá hủy và làm biến đổi tính chất vật liệu.
- C. Chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó.
- D. Di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.

Câu 8. Các sông ở miền núi có lũ lên nhanh và xuống nhanh là do

- A. đặc điểm của đất dễ thấm nước.
- B. có rừng che phủ.
- C. có nhiều hồ, đầm.
- D. độ dốc của địa hình.

Câu 9. Loại gió nào sau đây thổi gần như quanh năm và có tính chất khô?

- A. Gió Mậu dịch.
- B. Gió mùa.
- C. Gió biển.
- D. Gió Tây ôn đới.

Câu 10. Theo qui ước, nếu đi từ phía Đông sang phía Tây qua đường chuyển ngày quốc tế phải

- A. lùi lại 1 giờ.
- B. tăng thêm 1 ngày lịch.
- C. lùi lại 1 ngày lịch.
- D. tăng thêm 1 giờ.

Câu 11. Băng tuyết phổ biến nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Vùng xích đạo.
- B. Vùng ôn đới.
- C. Vùng cực.
- D. Vùng chí tuyến.

Câu 12. Trong tự nhiên, một thành phần thay đổi sẽ dẫn đến sự thay đổi của các thành phần còn

lại là biểu hiện của quy luật

A. địa ô.

C. địa đới.

B. thống nhất và hoàn chỉnh.

D. đai cao.

Câu 13. Càng lên núi cao, nhiệt độ không khí càng

A. giảm rồi tăng.

B. giảm xuống.

C. không đổi.

D. tăng lên.

Câu 14. Các địa phương có cùng một giờ khi nằm trong cùng một

A. vĩ tuyến.

B. kinh tuyến.

C. múi giờ.

D. khu vực.

Câu 15. Nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nước cho sông là

A. chế độ mưa và băng tuyết tan.

B. nước trên mặt và nước ngầm.

C. băng tuyết tan và nước ngầm.

D. chế độ mưa và nước ngầm.

B. PHẦN TỰ LUẬN. (5 điểm):

Câu 1. (2 điểm) Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa trên Trái Đất

Câu 2. (2 điểm) Tại sao bảo vệ nguồn nước ngọt là yêu cầu cấp bách của tất cả các quốc gia trên thế giới hiện nay? Nêu các giải pháp chủ yếu để bảo vệ các nguồn nước ngọt trên Trái Đất.

Câu 3. (1 điểm) Cho bảng số liệu sau:

Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Thu Bồn

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng Sông	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Thu Bồn	202	115	75,1	58,2	91,4	120	88,6	69,6	151	519	954	448

Hãy tính tổng lưu lượng nước, lưu lượng nước trung bình tháng trong năm và cho biết thời gian mùa lũ, mùa cạn của sông Thu Bồn.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5
D	C	D	D	A
6	7	8	9	10
B	B	D	A	B
11	12	13	14	15
C	B	B	C	B

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu	Nội dung	Điểm
1	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa trên Trái Đất	2,0
	- Khí áp: + Áp thấp: Hút gió và đẩy không khí ẩm lên cao, sinh ra mây và mưa. + Áp cao: Không khí ẩm không bốc lên được, lại chỉ có gió thổi đi không có gió thổi đến nên ít mưa.	0,5
	- Frông: + Do sự tranh chấp giữa hai khối khí nóng và lạnh dọc các F dẫn đến nhiễu động không khí và sinh ra mưa. + Miền có frông và dải hội tụ nhiệt đới đi qua thường có mưa lớn.	0,25
	- Gió: - Những vùng nằm sâu trong nội địa không có gió từ đại dương thổi vào thì mưa ít. - Miền có hoạt động của gió Mậu dịch thì mưa ít, miền có hoạt động của gió mùa thì mưa nhiều.	0,5
	Dòng biển: + Dòng biển nóng: Không khí trên dòng biển nóng chứa nhiều hơi nước, gió đưa hơi nước vào lục địa gây mưa + Không khí trên dòng biển lạnh không bốc lên được nên mưa rất ít	0,5
	Địa hình:	0,25

	<p>+ Theo độ cao: Càng lên nhiệt độ càng giảm, độ ẩm tăng nên mưa nhiều nhưng chỉ đến một độ cao nhất định nào đó thì không còn mưa nữa.</p> <p>+ Theo hướng sườn: Sườn đón gió mưa nhiều, khuất gió mưa ít (hiệu ứng phơn).</p>	
2	<p>Tại sao bảo vệ nguồn nước ngọt là yêu cầu cấp bách của tất cả các quốc gia trên thế giới hiện nay? Nêu các giải pháp chủ yếu để bảo vệ các nguồn nước ngọt trên Trái Đất.</p> <p>- Bảo vệ nguồn nước ngọt là yêu cầu cấp bách của tất cả các quốc gia trên thế giới hiện nay vì:</p> <p>Nguồn nước ngọt có vai trò rất quan trọng, nhu cầu nước ngọt ngày càng lớn do dân số ngày càng đông, trong khi đó nguồn nước ngọt lại đang bị suy thoái, ô nhiễm...</p>	2
	<p>Nêu các giải pháp chủ yếu để bảo vệ các nguồn nước ngọt trên Trái Đất.</p> <p>+ Sử dụng nguồn nước ngọt một cách hiệu quả, tiết kiệm và tránh lãng phí.</p> <p>+ Giữ sạch nguồn nước, tránh ô nhiễm nguồn nước ngọt.</p> <p>+ Phân phối lại nguồn nước ngọt trên thế giới.</p>	1
	<p>Hãy tính tổng lưu lượng nước, lưu lượng nước trung bình tháng trong năm và cho biết thời gian mùa lũ, mùa cạn của sông Thu Bồn.</p>	1
3	Tổng lưu lượng nước: 2891,9 m ³ /s	0,25
	Lưu lượng nước trung bình tháng trong năm: 241 m ³ /s	0,25
	Mùa lũ từ tháng 10 đến tháng 12	0,25
	Mùa cạn từ tháng 1 đến tháng 9	0,25